

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 554...../STNMT-VP

Điện Biên, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện,
thị xã, thành phố.

Thực hiện Văn bản số 2575/BTNMT-TCCB ngày 04/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn 1660/UBND-KTN ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc cung cấp thông tin xây dựng Đề án tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030;

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành xây dựng Đề án tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030 theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2575/BTNMT-TCCB ngày 04/6/2019

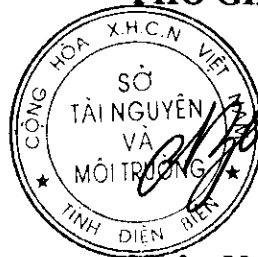
(Có văn bản, đề cương báo cáo và phụ lục kèm theo)

Báo cáo gửi về Văn phòng sở (*liên hệ đồng chí Nguyễn Hữu Cử - SĐT: 09777 03 999*) trước ngày 17/6/2019 để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngôn Ngọc Khuê



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
Địa Chỉ: TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1660 /UBND-KTN

Điện Biên, ngày 10 tháng 6 năm 2019

V/v cung cấp thông tin xây dựng
Đề án tăng cường năng lực hệ
thống tổ chức và đội ngũ công
chức, viên chức ngành tài nguyên
và môi trường đến năm 2030

Kính gửi:

- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Văn bản số 2575/BTNMT-TCCB ngày 04/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng Đề án tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030 (Văn bản được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại mục: Tài liệu kèm theo văn bản phát hành), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổng hợp và cung cấp thông tin theo Đề cương báo cáo và các phụ lục kèm theo văn bản số 2575/BTNMT-TCCB ngày 04/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nhận được văn bản này, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung, yêu cầu. /2

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN_(ĐHH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2575 /BTNMT-TCCB

V/v xây dựng Đề án tăng cường
năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ
công chức, viên chức ngành
tài nguyên và môi trường đến năm 2030

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong thời gian qua, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường từng bước được củng cố, kiện toàn; đội ngũ công chức, viên chức được quan tâm tăng cường, nhờ đó, ngành tài nguyên và môi trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Tuy nhiên, qua thực tiễn vận hành cho thấy hệ thống tổ chức bộ máy của Ngành vẫn còn nhiều bất cập; đội ngũ công chức, viên chức vẫn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Để tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý của Ngành, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017); Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, đưa vào chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ nhiệm vụ xây dựng **Đề án tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030**.

Để có cơ sở xây dựng Đề án, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin theo Đề cương báo cáo và các phụ lục kèm theo, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 20/6/2019**. Thông tin, số liệu của các địa phương là cơ sở hết sức quan trọng phục vụ công tác xây dựng Đề án bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tính khả thi. Bộ Tài nguyên và Môi trường rất mong Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo thực hiện, gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường bảo đảm thời hạn.

Thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ với Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường (chị Đào Thị Hương Giang, số điện thoại 024.3795.6868 máy lẻ 1806, di động 0988.737.067; địa chỉ thư điện tử dhgiang@monre.gov.vn).

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Sở TN&MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.G180.

Handwritten initials/signature

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Email:
binmt@monre.gov.vn

Cơ quan: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Ngày ký:

Nguyễn Thị Phương Hoa
09:30:17 +07:00

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Phục vụ xây dựng Đề án tăng cường năng lực hệ thống tổ chức và đội ngũ công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCCB ngày / /2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I. Tóm tắt đặc điểm, tình hình địa phương và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường tại địa phương

Tóm tắt đặc điểm, tình hình địa phương và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường ở địa phương (về điều kiện tự nhiên; kinh tế - xã hội; văn hóa; số lượng, chất lượng nhân lực đang công tác trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường các cấp ở địa phương; thuận lợi, khó khăn...).

Phần II. Thực trạng hệ thống tổ chức ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương

1. Các địa phương¹ chưa thực hiện báo cáo theo yêu cầu tại Công văn số 3358/BTNMT-TCCB ngày 26/6/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (gửi kèm theo) đề nghị báo cáo bổ sung theo đúng yêu cầu tại Công văn nêu trên.

2. Ngoài ra, đề nghị các địa phương báo cáo bổ sung các nội dung sau:

2.1. Thực trạng phân cấp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại địa phương theo từng lĩnh vực.

a) Thực trạng phân cấp trong từng lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường giữa các cấp chính quyền địa phương với các cơ quan chuyên môn ở địa phương.

b) Đánh giá kết quả thực hiện việc phân cấp quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại địa phương; thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện phân cấp.

c) Đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện việc phân cấp và thực hiện việc phân cấp.

(Thống kê chi tiết theo Phụ lục 01)

2.2. Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; đề xuất, kiến nghị nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phần III. Thực trạng nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương

1. Về đội ngũ công chức

1.1. Về số lượng công chức (cấp tỉnh, huyện, xã):

¹ Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Cà Mau, Đà Nẵng, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Nam, Thái Bình, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Phúc.

- a) Tại thời điểm thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường.
- b) Tính đến 31/12/2015².
- c) Tính đến 31/12/2018: số biên chế được giao (biên chế công chức, HĐLĐ ND68); số có mặt (công chức, HĐLĐ ND 68).

1.2. Về chất lượng đội ngũ công chức

a) Thống kê số lượng, chất lượng công chức tính đến thời điểm 31/12/2018 (chi tiết theo các Phụ lục 02, 03, 04).

b) Đánh giá chung về thực trạng đội ngũ công chức và việc đáp ứng theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và yêu cầu công việc; đề xuất, kiến nghị tăng cường năng lực đội ngũ công chức.

2. Về đội ngũ viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp

2.1. Về số lượng viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp:

a) Tại thời điểm thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Tính đến 31/12/2015.

c) Tính đến 31/12/2018: số biên chế được giao (biên chế viên chức, HĐLĐ ND68); số có mặt (viên chức, HĐLĐ).

2.2. Về chất lượng đội ngũ viên chức và người lao động

a) Thống kê số lượng, chất lượng viên chức, người lao động tại thời điểm 31/12/2018 (chi tiết theo Phụ lục 05).

b) Đánh giá chung về thực trạng đội ngũ viên chức, người lao động và việc đáp ứng theo tiêu chuẩn hạng viên chức, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và yêu cầu công việc; đề xuất, kiến nghị tăng cường năng lực đội ngũ viên chức, người lao động.

3. Đánh giá mức độ phù hợp giữa khối lượng công việc được giao với nguồn lực (nhân lực, vật lực...) hiện có theo từng lĩnh vực, trong đó, đặc biệt lưu ý các lĩnh vực có khối lượng công việc lớn, phức tạp; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

(Thống kê chi tiết theo Phụ lục 06)

Phần IV. Thực trạng và đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương

1. Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Rà soát, đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương; trong đó, tập trung đánh giá thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng viên chức (số lượt người

² Thời điểm sau khi thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm; kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng trung bình hàng năm...).

2. Đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đến năm 2025

2.1. Đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động ngành tài nguyên và môi trường ở địa phương (về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, các kỹ năng cơ bản, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm...)

2.2. Xác định các đối tượng, khu vực trọng tâm, nội dung trọng tâm, trọng điểm cần tăng cường năng lực quản lý tài nguyên và môi trường tại địa phương

(Thống kê chi tiết theo Phụ lục 07).

3. Đề xuất nhu cầu phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025

Đề xuất nhu cầu phát triển nguồn nhân lực (về số lượng và chất lượng) trong từng lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại địa phương theo từng cấp (Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; cán bộ tài nguyên và môi trường cấp xã)

3.1. Lĩnh vực quản lý đất đai:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Nhân lực hiện cóngười (% TS, ThS, ĐH, khác); nhu cầu nhân lực đến năm 2025 khoảngngười (% TS, ThS, ĐH, khác).

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường:

....

c) Cán bộ tài nguyên và môi trường cấp xã:

...

3.2. Lĩnh vực môi trường:...

3.3. Lĩnh vực...

....

Phần V. Đề xuất, kiến nghị

Các đề xuất, kiến nghị nhằm kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, hệ thống tổ chức, bộ máy; tăng cường năng lực đội ngũ công chức, viên chức, người lao động ngành tài nguyên và môi trường và các đề xuất, kiến nghị khác (nếu có).

Phần VI. Tài liệu gửi kèm theo Báo cáo

Đề nghị quý Cơ quan gửi kèm theo Báo cáo các tài liệu sau:

1. Quyết định phê duyệt/giao danh mục vị trí việc làm đối với cơ quan chuyên môn giúp việc Ủy ban nhân dân các cấp về tài nguyên và môi trường.

2. Quyết định phê duyệt/giao danh mục vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại địa phương./.

TỔNG HỢP NỘI DUNG PHÂN CÔNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(kèm theo Công văn số)

TT	Lĩnh vực/Nội dung phân công chức năng, nhiệm vụ giữa cơ quan chuyên môn giúp việc Ủy ban nhân dân các cấp về tài nguyên và môi trường với các cơ quan chuyên môn khác ở địa phương	Tên văn bản, cấp ban hành, ngày ban hành (ghi rõ điều khoản quy định)	Ngày có hiệu lực	Đơn vị chủ trì thực hiện
I	Lĩnh vực đất đai			
1	
...				
II	Lĩnh vực....			
1				
...				

